

Số: 136/NQ-HĐND

TP.Sóc Trăng, ngày 13 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương
thành phố Sóc Trăng, năm 2023**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 9**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài
chính về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, kế hoạch tài
chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2023-2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng
nhân dân tỉnh Sóc Trăng về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức
phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Sóc Trăng giai đoạn
ổn định 2022-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 3335/QĐ-UBND, ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước
năm 2023 cho các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Sóc Trăng;*

*Xét Báo cáo số 452/BC-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân thành phố Sóc Trăng về tình hình thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà
nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2022 và dự toán thu ngân sách
nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2023, thành phố Sóc Trăng;
báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng
nhân dân thành phố Sóc Trăng tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi
ngân sách địa phương của thành phố Sóc Trăng năm 2023 với một số nội dung và
chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Sóc Trăng là
727.208.000.000 đồng. Trong đó: dự toán thu ngân sách thành phố được hưởng
theo phân cấp là 438.800.000.000 đồng

2. Dự toán chi ngân sách địa phương là: 656.008.000.000 đồng

(Đính kèm các phụ lục chi tiết)

Điều 2. Hội đồng nhân dân thành phố thống nhất với các giải pháp đã nêu trong báo cáo, đồng thời đề thực hiện tốt nhiệm vụ trong năm 2023 cần quan tâm một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

Về thu: Ủy ban nhân dân thành phố tập trung triển khai và giao nhiệm vụ cho các đơn vị trực thuộc theo chỉ tiêu nghị quyết này; có giải pháp triển khai đồng bộ trong thu ngân sách; chống thất thu, trốn lậu thuế, thu tốt nợ đọng thuế; kiểm tra và lãnh đạo tốt nhiệm vụ thu, kịp thời biểu dương, khen thưởng các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt nghĩa vụ thuế, đồng thời xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật Thuế.

Về chi: thực hiện tốt quy chế công khai tài chính theo quy định, Ủy ban nhân dân thành phố sớm triển khai việc phân khai dự toán chi cho các ngành, các đơn vị; tăng cường vai trò trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, đơn vị trong việc sử dụng ngân sách có hiệu quả và tiết kiệm, chống lãng phí; trên cơ sở giám sát của các tổ chức chính trị, xã hội và quần chúng nhân dân; nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng nguồn vốn, bảo đảm thanh quyết toán đúng chế độ quy định.

Trong năm 2023, nếu có phát sinh, bổ sung dự toán cho những nhiệm vụ cụ thể, Ủy ban nhân dân thành phố sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố quyết định phân bổ, sử dụng đúng nhiệm vụ, mục tiêu, đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật khác có liên quan và báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3.

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng tổ chức triển khai Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng khóa XII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2022. *Handwritten signature*

Nơi nhận:

- TT.HĐND tỉnh;
- TT.UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp; Sở Tài chính;
- Đại biểu HĐND tỉnh (đơn vị TPST);
- TT.Thành ủy;
- TT.HĐND, UBND TP và UBND TP;
- Đại biểu HĐND TP;
- Các phòng, ban, ngành TP;
(Đảng, chính quyền, đoàn thể)
- TT.HĐND và UBND 10 phường;
- Lưu VT. *Handwritten signature*

CHỦ TỊCH



Trần Văn Trí

PHỤ LỤC I
DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
DO HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG QUYẾT ĐỊNH
Ban hành theo Nghị quyết số 136/NQ-HĐND, ngày 13/12/2022
của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng)

Đơn vị: ngàn đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán		Tỷ lệ % phân chia	Thành phố được hưởng theo phân cấp
		Tỉnh giao	Thành phố giao		
1	2	3	4	5	6
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	702.208.000	727.208.000		656.008.000
A	Thu trong cân đối	678.268.000	678.268.000		607.068.000
I	Thu NSNN trên địa bàn	510.000.000	510.000.000		438.800.000
1	Thu từ DNNN địa phương	2.000.000	2.000.000		0
1.1	Thuế GTGT	1.000.000	1.000.000	0%	0
1.2	Thuế TNDN	1.000.000	1.000.000	0%	0
2	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	180.000.000	180.000.000		178.500.000
2.1	Thuế GTGT	143.500.000	180.000.000	100%	143.500.000
2.2	Thuế TNDN	35.000.000			35.000.000
2.3	Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.000.000		0%	0
2.4	Thuế tài nguyên	500.000		0%	0
3	Lệ phí trước bạ	70.000.000	70.000.000	100%	70.000.000
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4.000.000	4.000.000	100%	4.000.000
5	Thu phí và lệ phí	10.000.000	4.603.000		6.300.000
6	Lệ phí môn bài		5.397.000		
7	Thu tiền sử dụng đất	160.000.000	160.000.000	60%	96.000.000
8	Thuế thu nhập cá nhân	80.000.000	80.000.000	100%	80.000.000
9	Thu khác NSNN	4.000.000	4.000.000	100%	4.000.000
II	Thu bổ sung cân đối	168.268.000	168.268.000		168.268.000
B	Thu không cân đối	23.940.000	48.940.000		48.940.000
I	Thu trợ cấp có mục tiêu ngân sách tỉnh	23.940.000	23.940.000		23.940.000
II	Thu kết dư ngân sách		25.000.000		25.000.000

PHỤ LỤC II



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023
DO HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG QUYẾT ĐỊNH**

*Ban hành theo Nghị quyết số 136/NQ-HĐND, ngày 13/12/2022
của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng)*

Đơn vị: ngàn đồng

ST T	Chỉ tiêu	Mã nhiệm vụ chi NSNN	Dự toán	
			Tỉnh giao	Thành phố giao
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH		631.008.000	656.008.000
A	Tổng chi cân đối ngân sách		607.068.000	607.068.000
I	Chi đầu tư phát triển		130.145.000	130.145.000
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản		34.145.000	34.145.000
2	Chi xây dựng CSHT bằng nguồn thu tiền sử dụng đất		96.000.000	96.000.000
II	Chi thường xuyên		465.079.000	426.924.712
1	Chi quốc phòng		2.479.000	4.313.500
2	Chi an ninh		413.000	1.383.000
3	Chi sự nghiệp giáo dục		202.100.000	200.369.000
4	Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề		7.022.000	6.822.000
5	Chi sự nghiệp y tế		2.065.000	2.065.000
6	Chi sự nghiệp văn hóa-thông tin		1.878.000	1.783.000
7	Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình		1.713.000	1.539.000
8	Chi sự nghiệp thể dục-thể thao		1.634.000	1.335.000
9	Chi lương hưu và đảm bảo xã hội		31.217.000	30.497.580
10	Chi sự nghiệp kinh tế		69.679.000	64.473.880
11	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường		48.442.000	46.000.000
12	Chi quản lý hành chính nhà nước, Đảng, đoàn thể		47.335.000	45.840.402
12.1	<i>Chi quản lý hành chính nhà nước (gồm Kinh phí hoạt động HĐND)</i>		<i>22.929.000</i>	<i>23.653.079</i>
12.2	<i>Chi khối Đảng</i>		<i>10.559.000</i>	<i>14.700.700</i>
12.3	<i>Chi đoàn thể, tổ chức chính trị- xã hội</i>		<i>5.830.000</i>	<i>6.326.360</i>
12.4	<i>Các khoản chi không khoán và mua sắm tài sản</i>		<i>7.817.000</i>	<i>960.263</i>
12.5	<i>Chi ứng dụng CNTT</i>		<i>200.000</i>	<i>200.000</i>



PHỤ LỤC III
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023
DO HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG QUYẾT ĐỊNH
Ban hành theo Nghị quyết số 136/NQ-HĐND, ngày 13/12/2022
của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng)



Đơn vị: ngàn đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán				
		Tổng số	Trong đó			
			Chi cân đối ngân sách	Chi trợ cấp cân đối	Chi trợ cấp có mục tiêu	Chi dự phòng NS
1	2	3=4+5+6+7	4	5	6	7
	TỔNG CỘNG	50.862.638	21.166.749	27.873.868	919.420	902.601
1	Phường 1	4.138.189	666.710	3.338.099	59.090	74.290
2	Phường 2	5.724.499	3.209.410	2.266.769	149.830	98.490
3	Phường 3	6.159.902	3.469.820	2.449.612	132.490	107.980
4	Phường 4	5.144.005	3.323.619	1.631.075	97.730	91.581
5	Phường 5	5.212.643	718.190	4.311.033	91.610	91.810
6	Phường 6	5.185.741	2.207.750	2.792.241	92.850	92.900
7	Phường 7	4.920.948	2.408.510	2.358.748	65.200	88.490
8	Phường 8	5.430.495	2.107.550	3.105.325	121.170	96.450
9	Phường 9	4.604.516	2.647.330	1.807.696	67.020	82.470
10	Phường 10	4.341.700	407.860	3.813.270	42.430	78.140